

Bản án số: 49/2022/DS-PT  
Ngày: 30 tháng 8 năm 2022  
V/v: “*Tranh chấp tài sản chung  
sau khi ly hôn, di sản thừa kế,  
hợp đồng đặt cọc và hợp  
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Phượng

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Trâm

Ông Trần Văn Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:** Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 6, ngày 26 và 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn, di sản thừa kế, hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐ-PT ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

- Bà Lê M, sinh năm: 1969;

- Chị Đoàn Ng, sinh năm: 2004;

Cùng cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê M:***

Bà Nguyễn Thị Hoa – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hoa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**2. Bị đơn:**

- Chị Đoàn N, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*Đại diện theo ủy quyền của chị Đoàn N:* Anh Trần Thiên Đ; Địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Ông Đoàn C, sinh năm: 1938; Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

*Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn C:* Bà Huỳnh Thị Thụy Đ, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn C:***

Ông Bùi Văn Nhĩ – Luật sư Văn phòng luật sư Văn Nhĩ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lư Quang K, sinh năm: 1976; Hộ khẩu thường trú: phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số 5 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bà Trần Thị Hồ H, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

***4. Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Đoàn C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 11/7/2018, biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê M trình bày:* Bà và ông Đoàn Th chung sống với nhau từ năm 1990 đến ngày 12/11/1997 được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà có 04 con gồm Đoàn N, sinh năm: 1992, Đoàn L, sinh năm: 1994 (chết năm 2011), Đoàn H, sinh năm 1997 (chết ngày 05/3/2018, chưa có vợ con) và Đoàn Ng, sinh ngày 22/01/2004. Ngày 21/8/2014, bà và ông Th ly hôn.

Ngày 27/11/2017, ông Th chết, không để lại di chúc. Mẹ ruột ông Th là bà Nguyễn Thị Th chết năm 1994. Ông Th không có cha mẹ nuôi, con riêng, con ngoài giá thú. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Th gồm có cha ông Đoàn C), 03 con là N, Ng và H.

Trong quá trình chung sống, bà và ông Th tạo lập các tài sản sau:

1. Lô đất có diện tích 33.069,4m thuộc thửa đất số 861 tờ bản đồ số 43 và lô đất diện tích 4.075 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 862 tờ bản đồ số 43 đều tọa lạc tại Thôn P, xã Đ, thành phố R. 02 lô đất này có nguồn gốc được sang nhượng của ông Bùi Chung Th năm 1992. Tại đơn xin hợp thức hóa giao đất làm nhà ở được UBND xã Đ xác nhận ngày 27/02/1993 thì người đứng đơn xin xác nhận là ông Đoàn Ti có vợ tên Nguyễn Thị M hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, thành phố R. Tại thời điểm làm đơn xác nhận này ông Th chỉ có một người vợ là bà tên là Lê M chứ không có người vợ nào khác tên Nguyễn Thị M; việc ghi tên vợ Nguyễn Thị M trong đơn xin xác nhận này là do sai sót.

Ngày 27/10/2008 được UBND thị xã R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) thửa số 696, tờ bản đồ số 18 diện tích 33.905m<sup>2</sup> tọa lạc Thôn H, xã Đ, thành phố R cho ông Th. Sau đó, ông Th làm đơn xin cấp lại sổ mới nên ngày 12/7/2017 UBND thành phố R cấp GCNQSDĐ thửa số 861, tờ bản đồ số 43 diện tích 33.069,4m<sup>2</sup> tọa lạc Thôn P, xã Đ, thành phố R.

Ngày 15/9/2006, UBND thị xã R cấp GCNQSDĐ thửa số 723, tờ bản đồ số 18 diện tích 4.075m<sup>2</sup> tọa lạc Thôn H, xã Đ, thành phố R cho ông Th.

Vì là vợ chồng nên việc ông Th đứng tên trên GCNQSDĐ là bình thường, bà không có ý kiến, nghĩ trước sau gì cũng là tài sản của vợ chồng ai đứng tên cũng được.

2. Lô đất diện tích 1.892,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 872, tờ bản đồ 43 và lô đất diện tích 1.301,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 784 tờ bản đồ số 43 đều tọa lạc tại Thôn P, xã Đ, thành phố R. Nguồn gốc do vợ chồng bà khai hoang năm 1992. Năm 2017, ông Th có làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng không được cấp vì lý do đất này là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân từ năm 1990-2014.

Bà M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông Th gồm 04 thửa đất trên và với tư cách là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Ng, bà M yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Th là  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản của 04 thửa đất trên cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn Th gồm ông C, chị N, chị Ng và anh H. Bà yêu cầu được nhận thửa đất số 861, 862; bà sẽ thanh toán lại giá trị chênh lệch cho chị Ng.

Đối với yêu cầu của bà H: Bà Mi đồng ý trả nợ gốc và lãi.

Đối với yêu cầu của ông K: bà M với tư cách là người thừa kế của anh H (con bà Minh) và là đại diện hợp pháp của chị Ng, bà đồng ý trả tiền đặt cọc và lãi từ ngày 28/10/2017 đến ngày xét xử lãi suất 10%/năm.

*\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/3/2019, biên bản hòa giải ngày 13/11/2020, bị đơn chị Đoàn N trình bày:* Cha chị là ông Đoàn Th (chết ngày 27/11/2017) và mẹ là bà Lê M có 04 người con gồm Đoàn N (sinh năm 1992), Đoàn L (chết 2011), Đoàn H (chết ngày 05/3/2018 Chưa có vợ con) và Đoàn Ng (sinh ngày 22/01/2004). Ông Th chết không để lại di chúc. Tài sản chung của ông Th và bà M gồm: Thửa đất số 861, tờ bản đồ số 43 diện tích 33.096,4m<sup>2</sup>; thửa đất số 862, tờ bản đồ 43 diện tích 4.255,7m<sup>2</sup> thửa đất số 784 tờ bản đồ số 43 diện tích 1.301,8m<sup>2</sup> và thửa đất số 872 tờ bản đồ số 43 diện tích 1,892,5m<sup>2</sup> đều tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R.

Bà M yêu cầu chia tài sản chung giữa bà với ông Th gồm 04 lô đất trên; bà M đại diện hợp pháp của chị Ng yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của ông Th để lại cho ông C, chị N, chị Ng và anh H. Chị đồng ý và yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật là thửa đất số 872.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Kh: Đồng ý những người thừa kế tài sản của ông Th gồm ông C, bà M, chị N, chị Ng trả số tiền ông Th đã nhận cọc là 140.000.000 đồng cho ông K nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

Đối với yêu cầu độc lập của bà H: Đồng ý trả 119.000.000 đồng và 20 chỉ vàng SJC; không đồng ý trả lãi.

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đoàn C là bà Lê K trình bày:* Ông Th là con ông C chết ngày 27/11/2017, mẹ ông Th đã chết. Ông Th có 04 người con nhưng hiện nay có 02 người còn sống là Đoàn N và Đoàn Ng, ông Th không có con nuôi và con riêng. Do bệnh tật nên ông Th qua đời đột ngột không để lại di chúc, vì vậy ông C và 02 cháu N và Ng là người thừa kế hợp pháp.

Ngày 16/3/2018, ông C và bà M (vợ ông Th đã ly hôn) đã làm việc tại UBND xã Đ, thống nhất chia lô đất thửa đất số 861, tờ bản đồ số 43 diện tích 33.096,4 m<sup>2</sup> tại thôn P, xã Đ, thành phố R được UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 752040, số vào sổ CH 06271 ngày 12/7/2017 cho ông Đoàn Th theo hướng cho ông C và 02 cháu N, Ng nhưng 02 cháu Nh và Ng không đồng sang tên, tách thửa cho ông C. Việc này

ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C, ông C hiện nay tuổi cao sức yếu phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đặt cọc cho ông Lư Quang K.

Ông C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Th để lại là lô đất thuộc thửa đất số 861, tờ bản đồ số 43 diện tích 33.096,4 m<sup>2</sup> tại thôn P, xã Đ, thành phố R được UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 752040, sổ vào sổ CH 06271 ngày 12/7/2017 cho Đoàn Th theo hướng ông C nhận 1/3 hiện vật diện tích 11.000,3m<sup>2</sup>, chị N và chị Ng được nhận 2/3 giá trị tài sản.

Đối với yêu cầu độc lập của bà M, bà K không đồng ý vì lí do: GCNQSDĐ đã cấp cho ông Th là tài sản riêng của ông Th không có của bà M, trong khi đó bà M và ông Th đã được Tòa án giải quyết ly hôn và đã chia tài sản chung năm 2014.

Đối với việc ông Đoàn Th vay tiền và vàng của bà H thì ông C không biết sự việc này, dùng vào mục đích gì. Ông Th có cầm sổ đỏ thế chấp cho bà H để vay tiền và vàng, nay bà H yêu cầu ông C, bà M và các cháu Ng, N phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 119.000.000 đồng và tiền lãi 1.5%/tháng kể từ ngày 01/01/2017 cho đến khi xét xử; 20 chỉ vàng SJC. Bà K đồng ý.

Đối với yêu cầu của ông K: Ông K yêu cầu những người thừa kế của ông Th là ông C, chị Nh và chị Ng phải trả cho ông số tiền 140.000.000 ông đã đặt cọc cho ông Th để mua đất và tiền lãi 1,5%/tháng kể từ ngày 14/9/2017 cho đến khi xét xử. Bà K đồng ý ông Th đã nhận cọc của ông K số tiền 140.000.000 đồng, bà K đồng ý ông C trả 1/3 số tiền cọc 140.000.000 đồng cho ông K nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Quang K trình bày: Ông và ông Th quen biết nhau và có thỏa thuận về việc sang nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 14/9/2017 ông và ông Th thỏa thuận ký kết hợp đồng đặt cọc để thực hiện sang nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 872 tờ bản đồ số 43 tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa với diện tích như sau: ngang (mét tới): 45m, giá mỗi mét là 15.000.000đ/m<sup>2</sup>, tổng giá trị 675.000.000 đồng; đến chiều cùng ngày, ông và ông Th thỏa thuận ông mua thêm 10m ngang, tổng cộng là 55m tới nên tổng giá trị hợp đồng là 55m x 15.000.000 đồng 825.000.000 đồng. Ngày 14/9/2017, ông đã nhờ bà Trần Thị H chuyển khoản cho ông Th vào tài khoản 4702205189986 của Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 15/9/2017, ông Đoàn Th đã viết nội dung nhận thêm 80 triệu đồng và 20 triệu đồng.*

Khi thỏa thuận mua bán ông Th cam kết trong vòng thời hạn 01 tháng sẽ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất trên và đi công chứng sang nhượng đất vào ngày 27/10/2017, Tuy nhiên đến ngày nêu trên ông Th không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có xin khất thời gian. Ông đã đi xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố R và được biết ông Th không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang có tranh chấp với bà M. Ngày 27/11/2017, ông Th chết trong khi chưa thực hiện xong việc mua bán sang nhượng thửa đất nêu trên. Sau khi ông Th chết, bà M có gặp ông và xin để bà và những người thừa kế của ông Th tiếp tục làm thủ tục pháp lý để chuyển nhượng phần diện tích đất mà ông Th đã sang nhượng cho ông nhưng ông không đồng ý.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế của ông Th là M, ông C, chị Ng và chị N phải trả lại cho ông một lần toàn bộ số tiền đặt cọc mà ông Th đã nhận của ông là 140.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng kể từ ngày 14/9/2017 cho đến khi xét xử.

*\* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 17/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồ H trình bày:* Ngày 30/5/2010, bà có cho ông Th vay số tiền là 119.000.000 đồng và 20 chỉ vàng SJC. Hẹn 12 tháng sau ông Th sẽ trả cho bà, ông Th có thể chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 728878, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00394 do UBND thị xã R cấp ngày 15/9/2006. Đến tháng 11 năm 2017 ông Th mất. Nay bà làm đơn này yêu cầu bà M là vợ cũ của ông Th, ông C, chị N, chị Ng là người thừa kế của ông Th phải trả cho bà số tiền là 119.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm kể ngày 01/01/2017 cho đến khi Tòa án xét xử và 20 chỉ vàng SJC.

*\* Tại giấy xác nhận ngày 17/7/2021, người làm chứng bà Trần Thị H trình bày:* Bà xác định ông K là người đặt cọc mua thửa đất 873, 872 tờ bản đồ số 43 tại thôn P, xã Đ, thành phố R của ông Th; bà có chuyển tiền thay ông K lần đầu vào vào tài khoản ông Th 4702205189986 Agribank thành phố R số tiền 40.000.000 đồng. Bà là người làm chứng xác nhận việc ông K đã đặt cọc 140.000.000 đồng bao gồm chuyển khoản 40.000.000 đồng mà bà chuyển vào tài khoản của ông Th đặt cọc mua đất.

*\* Tại đơn giải trình ngày 13/11/2020, người làm chứng ông Đoàn Kim Đ trình bày:* Để giảm thiểu thiệt hại và để có kinh phí theo đuổi vụ án, ông đã canh tác một phần trên thửa đất số 861 tờ bản đồ 43. Bà M thấy nên làm đơn yêu cầu ông trả lại mặt bằng đất nhưng ông không chấp nhận thi hành. Khi Tòa xử phân chia tài sản xong mà ông đang canh tác trên mảnh đất của con bà M thì sẽ hoàn trả lại. Còn ngay thời điểm này chưa giải quyết xong mà không cho ông canh tác thì ông không chấp nhận. Tòa án gửi giấy mời, ông sẽ không tham dự vì ông không liên quan gì tới tranh chấp thừa kế giữa cha ông C và các con bà M.

Bản án sơ thẩm số: 39/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hoà đã áp dụng khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 165, điểm c khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26, 33, 37 Luật Hôn nhân gia đình; áp dụng Điều 288, 328, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê M và chị Đoàn Ng.

1.1. Bà Lê M được quyền sử dụng thửa đất số 861, tờ bản đồ số 43, diện tích 33.096,4m<sup>2</sup> tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa, trên đất có 300 (Ba trăm) cây bạch đàn loại A; thửa đất số 862, tờ bản đồ 43 diện tích 4.255,7 m<sup>2</sup> tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa

1.2. Bà Lê M thanh toán cho chị Đoàn Ng số tiền 2.494.335.875đ (Hai tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

1.3. Chị Đoàn N được quyền sử dụng thửa đất số 872, tờ số 43 diện tích 1.892,5 m<sup>2</sup> tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa, trên đất có hàng rào kẽm gai trụ bê tông, chiều dài từ điểm 18 đến điểm 1 dài 59,25m.

Chị Đoàn N thanh toán cho bà Lê M số tiền 316.281.125đ (*Ba trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

1.3. Ông Đoàn C được quyền sử dụng thửa đất số 784, tờ bản đồ số 43 diện tích 1.301,8m<sup>2</sup> tọa lạc thôn P, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Đoàn C thanh toán cho bà Lê M số tiền 109.264.125đ (*Một trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Bà Lê M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định.

Chị Đoàn N và ông Đoàn C có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã được Tòa án giao.

(Kèm theo Trích lục bản đồ địa chính số 113/2018/TLBĐ, 113A/2018/TLBB, 113B/2018/TLBB và 113C/2018/TLBĐ ngày 06/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố R).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn C về yêu cầu “*Chia di sản thừa kế*”.

3. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hồ H; Buộc bà Lê M phải trả cho bà Trần Thị Hồ H số tiền 144.875.753đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*).

Buộc những người thừa kế của ông Đoàn Th (gồm ông Đoàn C, chị Đoàn N, chị Đoàn Ng và bà Lê M) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Hồ H số tiền 144.875.753đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*), cụ thể ông Đoàn C, chị Đoàn N, chị Đoàn Ng và bà Lê M mỗi người trả 36.218.938đ (*Ba mươi sáu triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*).

Bà Trần Thị Hồ H phải trả lại cho ông Đoàn C, chị Đoàn N, chị Đoàn Ng và bà Lê M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 728878, số vào sổ cấp GCN: HO0394 thửa đất số 723, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.075m<sup>2</sup> tọa lạc thôn H, xã Đ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa do Ủy ban nhân dân thị xã R cấp ngày 15/9/2006 cho ông Đoàn Th.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lu Quang K; Buộc những người thừa kế của ông Đoàn Th (gồm ông Đoàn C, chị Đoàn N, chị Đoàn Ng và bà Lê M) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lu Quang K số tiền 194.350.685đ (*Một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*), cụ thể ông Đoàn C, chị Đoàn N, chị Đoàn Ng và bà Lê M mỗi người trả 48.587.671đ (*Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lu Quang K về việc yêu cầu người thừa kế của ông Đoàn Th phải trả cho ông số tiền 46.449.3154 (*Bốn mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2021, bị đơn ông Đoàn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông Đoàn C) trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo tính hợp pháp của bản án và đảm bảo quyền kháng cáo của các đương sự, vì các lý do sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố R đã ghi: Bị đơn ông Đoàn C; đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lê K vắng mặt, nhưng không ghi vắng mặt lần thứ mấy, đã tổng đạt hợp lệ hay không; trong khi đó theo giấy báo phát của Bureau Cam Phú ngày 31/08/2021 không thể hiện nội dung báo phát của Tòa án nhân dân thành phố R cho người nhận chị K về nội dung gì; người nhận ký tên “Thao” không phải là chị K; tên “Thao” hoàn toàn không có quan hệ gì trong vụ án, cũng không phải là người được ông Đoàn C hay người nào đó trong vụ án ủy quyền. Nhưng Tòa án R vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Lê K là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của bản sơ thẩm nói trên.

- Về nội dung: Thứ nhất: 04 thửa đất tranh chấp mà Tòa sơ thẩm đã giải quyết trong bản án là của ông Đoàn C. Thửa đất số 872 là do ông Đoàn C tự khai hoang đến nay, các thửa đất còn lại 851, 862, 784 ông Đoàn C nhận sang nhượng từ ông Bùi Trung Th vào năm 1989 nên 04 thửa đất này không phải là của ông Đoàn Th, ông Th chỉ là người quản lý, sử dụng; 04 thửa đất này không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Lê M và anh Đoàn Th. Do đó, không có căn cứ pháp luật để chia tài sản chung của anh Đoàn Th như bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Anh Đoàn Th và chị Lê M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật, mãi đến ngày 12/11/1997 chị M, anh Th mới đăng ký kết hôn. Như vậy trong thời gian 07 năm (từ 1990 -1997) chị Lê M, anh Đoàn Th không phải là vợ chồng nên không phát sinh các quyền và nghĩa dân sự cũng như các quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân và gia đình theo luật định. Điều đó cũng có nghĩa 04 thửa đất nêu trên là do ông Đoàn C và anh Th khai hoang năm 1992 và có trước khi anh Th kết hôn với chị M nên không phải là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đoàn Th, chị Lê M. Tòa án sơ thẩm đã phán xét như vậy là xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp tài sản của anh Đoàn Th và ông Đoàn C. Trong suốt 17 năm chung sống với chị M, anh Th không có văn bản nào nhập 4 lô đất nói trên của anh vào tài sản chung của vợ chồng; chị M cho rằng 04 lô đất nói trên là tài sản chung của vợ chồng, nhưng chị M không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 04 thửa đất nói trên, mà cả 4 thửa đất đều đứng tên anh Đoàn Th.

Tài sản chung của chị Lê M và anh Đoàn Th có trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số: 586, tờ bản đồ số: 19 diện tích 630m<sup>2</sup> đứng tên anh Đoàn Th và chị Lê M như quyết định của Bản án Hôn nhân và gia đình số: 53/2014/HNGĐ-ST ngày 12/08/2014 của Tòa án nhân dân thành phố R đã tuyên là có căn cứ, đúng quy định của Luật HNGĐ năm 2000.

Thứ hai: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đoàn C kháng cáo toàn bộ bản án. Theo đó, cháu Huỳnh Công Ng có đơn kiến nghị gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xin được hưởng kỷ phần thừa kế của anh Đoàn Th để lại, vì cháu Ng là con ngoài giá thú của anh Đoàn Th với chị Huỳnh Thị Thụy Đ, theo Phiếu kết quả phân tích ADN số: A211757 ngày 20/11/2021 của Trung tâm xét nghiệm ADN Công ty DNA TESTINGS. Hội đồng khoa học Công ty TNHH MTV TM và DV DNA TESTINGS kết luận: *Đoàn C và Huỳnh Công Ng có cùng quan hệ huyết thống theo dòng nội.*

Chị Lê M không thừa nhận cháu Huỳnh Công Ng là con riêng của anh Đoàn Th, nhưng áp dụng suy đoán pháp lý, thì có 03 căn cứ để xác định cháu Huỳnh Công Ng là con của anh Đoàn Th.

- Một là: Chị Huỳnh Thị Thụy Đ trình bày chị có quan hệ tình cảm với anh Đoàn Th như vợ chồng trước tháng 09 năm 2003 nên đã sinh ra cháu Huỳnh Công Ng ngày 13/05/2004 và chỉ có chị Đ mới xác định chính xác cha của cháu Ng là anh Đoàn Th chứ không ai khác. Điều đó đã loại trừ những người con trai khác của ông Đoàn C không phải là cha của Huỳnh Công Ng.

- Hai là: Theo kết quả giám định ADN của Hội đồng khoa học thành phố Hồ Chí Minh nêu trên thì ông Đoàn C với Huỳnh Công Ng có cùng quan hệ huyết thống theo dòng nội. Bà con, họ hàng phía anh Đoàn Th đều thừa nhận cháu Ng là con anh Đoàn Th.

- Ba là: Tại phiên tòa ngày 28/6/2022, chị Lê M đã đồng ý để Tòa án chỉ định cơ quan giám định ADN giữa các con chung của chị M, anh Đoàn Th với cháu Huỳnh Công Ng để xác định quan hệ cùng dòng máu huyết thống. Nhưng sau đó chị M lại không cho cháu Ng đến cơ quan giám định lấy mẫu để giám định.

Ngoài ra, có nội dung tuy không có liên quan đến quyền lợi của ông Đoàn C, nhưng Tòa án nhân dân thành phố R tính lãi trong khoản tiền đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Bởi vì số tiền đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lư Quang K, chứ không phải giá trị tài sản chuyển nhượng.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê M trình bày: Bản án ly hôn số 53/2014/HNGĐ-ST ngày 12/08/2014 của Tòa án nhân dân thành phố R đã xét xử vụ án ly hôn giữa chị Lê M và anh Đoàn Th không liên quan đến vụ án này. Tài sản chung của vợ chồng thì các bên có thể yêu cầu Tòa án chia bất cứ khi nào. Chị M và anh Th chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 1997 mới đăng ký kết hôn, Luật sư phía bị đơn cho rằng 04 lô đất tranh chấp trong vụ án không phải là tài sản chung vợ chồng, nhưng theo Điều 207, 209, 211 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định sở hữu chung theo phần, các chủ sở hữu có quyền sở hữu chung theo phần nên được xác định đây là tài sản chung vợ chồng; căn cứ vào các tài liệu, nguồn gốc, quá trình sử dụng và việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất có cơ sở xác định đây là tài sản chung vợ chồng.

- Vấn đề xác định quan hệ huyết thống dòng nội của cháu Huỳnh Công Ng chỉ có ý nghĩa xác định quan hệ huyết thống trong dòng tộc gia đình ông Đoàn Cận, nhưng không có căn cứ xác định cháu Huỳnh Công Ng là con trai của ông Đoàn Th.

- Việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án sơ thẩm có hợp pháp hay không, vấn đề này thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử quyết định.

\* Người đại diện theo ủy quyền của chị Đoàn N và bị đơn chị Đoàn Ng không đồng ý với kháng cáo của ông Đoàn C,

\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Do Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn không đảm bảo quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến việc Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn C là



không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn giải quyết chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền đã đặt cọc 140 triệu đồng cho ông Lư Quang K là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định, nên Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Đoàn C) về yêu cầu “Chia di sản thừa kế” do người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn C vắng mặt trong khi việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người đại diện theo ủy quyền không đúng quy định pháp luật.

Xét thấy: Ngày 05/6/2018, ông Đoàn C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố R giải quyết chia di sản thừa kế là thửa đất số 861 tờ bản đồ số 43, diện tích 33.069m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn P, xã Đ, thành phố R đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 752040 ngày 12/7/2017 cho ông Đoàn Th theo hướng ông Đoàn C được nhận 1/3 giá trị, chị Đoàn N, Đoàn Ng nhận 2/3 giá trị diện tích đất nói trên.

Tại Thông báo thụ lý số 61/2018/TB-TLVA ngày 07/6/2018, Tòa án sơ thẩm đã xác định ông Đoàn C là nguyên đơn, chị Đoàn N, Đoàn Ng là bị đơn. Ngày 23/5/2018 và ngày 28/5/2018 ông Đoàn C ủy quyền cho bà Lê K tham gia tố tụng.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 12/8/2021 Tòa án nhân dân thành phố R ra Thông báo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 37/TB-TA vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 24/8/2021; văn bản này được Tòa án R tổng đạt cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê K qua đường bưu điện. Phiếu báo phát của bưu cục Cam Phú gửi lại cho Tòa án R thể hiện người ký nhận là “Oanh”. Tại phiên tòa ngày 24/8/2021, bà Lê K vắng mặt (không rõ lý do); nhưng do bà Lê M có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐH-DS và thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 16/9/2021; văn bản này Tòa án tiếp tục tổng đạt cho các đương sự qua đường bưu điện có báo phát.

Tại phiếu báo phát do Bưu cục 654490 Cam Phú, Bưu điện Việt Nam chuyển lại cho Tòa án nhân dân thành phố R (BL 451) thể hiện người nhận văn bản ký xác nhận tên là “Thao”. Trong khi, người mà Tòa án cần tổng đạt văn bản này là bà Lê K (người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn C). Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện người nhận ký tên “Thao” có phải là người nhà hay có quan hệ thân thích với bà Lê K không và người nhận văn bản này đã giao hoặc thông báo lại nội dung văn bản cho bà Lê K chưa.

Mặt khác, trước khi xét xử Tòa án sơ thẩm cũng không kiểm tra việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã hợp lệ chưa, mà chỉ nhận định người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn C là bà Lê K vắng mặt lần thứ 2, nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn C là không đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc với bà Lê K do Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lập ngày 08/7/2022, bà K trình bày: Thông báo số 37/TB-TA ngày 12/8/2021 về việc mở phiên tòa ngày 24/8/2021 tuy bà không nhận được, nhưng cha của bà là ông Lê Văn H đã thông báo lại nội dung văn bản đã nhận, còn Quyết định hoãn phiên tòa 103/2021/QĐH-DS ngày 24/8/2021 thì bà không được biết và không được nhận, cũng không được ai giao lại hoặc thông báo lại về nội dung của văn bản này. Mặt khác, hộ gia đình bà không có ai tên “Thao” như ký nhận tại phiếu báo phát bưu cục 654490-Cam Phú; đồng thời qua xác minh tại Công an phường L là nơi bà Lê K cư trú cho biết: Các nhân khẩu trong hộ gồm Trần Thị Ch, Lê Văn H, Lê K và Lê Hữu Ph.

Qua đó cho thấy việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án sơ thẩm cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn C không đảm bảo thủ tục tố tụng theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự, nên bà Lê K không thể biết để có mặt tham gia phiên tòa ngày 16/9/2021, dẫn đến việc Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn C và thay đổi tư cách tố tụng của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cháu Huỳnh Công Ng là con của anh Đoàn Th để cháu được hưởng phần di sản thừa kế của anh Đoàn Th.

Xét thấy: Ngày 21/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 04/2022/QĐ-TA gửi Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Chi nhánh phía Nam để thực hiện xét nghiệm ADN giữa anh Huỳnh Công Ng (sinh năm 2004) với chị Đoàn Ng (sinh năm 2004) và chị Đoàn N (sinh năm 1992) có cùng quan hệ huyết thống theo dòng cha hay không.

Ngày 05/8/2022, đại diện Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Chi nhánh phía Nam đã có văn bản trả lời số 09/2022/CV- Gentis cho Tòa án: *“Không đủ cơ sở khoa học để kết luận mối quan hệ huyết thống trực hệ (theo dòng cha) giữa anh Huỳnh Công Nguyên, chị Đoàn Ng và chị Đoàn N”*.

Do vậy, không đủ cơ sở để xem xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; đồng thời Hội đồng xét xử cũng không thể suy đoán để xác định quan hệ huyết thống cha con giữa anh Huỳnh Công Nguyên và ông Đoàn Th như lời đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đoàn C.

[2.3] Ngoài ra, trong vụ án này khi giải quyết hợp đồng đặt cọc, cấp sơ thẩm đã không căn cứ vào nội dung của giấy đặt cọc mua đất ngày 14/9/2017 mà các bên thỏa thuận để giải quyết tranh chấp, mà lại chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền đặt cọc của ông Lư Quang K là không đúng pháp luật.

Mặt khác, Tòa án sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của đương sự chưa chính xác. Trong vụ án này, ông Lư Quang K và bà Trần Thị Hồ H có quan hệ tranh chấp khác nhau nhưng có liên quan đến vụ án và có yêu cầu độc lập với các đương sự trong vụ án, nên phải xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Từ những phân tích trên, cho thấy do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dân sự, mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do có căn cứ hủy bản án sơ thẩm nên những nội dung kháng cáo khác Hội đồng xét xử không xem xét mà để giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố R giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Đoàn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. R;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thúy Phượng**